

NƯỚC VẠN XUÂN ĐỘC LẬP

Nhà Tiền Lý (544 - 602)

Triệu Việt Vương (549-571)

Hậu Lý Nam Đế (571-602)

Nhà Tiền Lý (544 - 602)

Niên hiệu: Thiên Đức

Đẹp yên cuộc khởi nghĩa của Triệu Thị Trinh, nhà Ngô lấy đất Nam Hải, Thượng Ngô và Uất Lâm làm Quảng Châu, đặt châu trị ở Phiên Ngung, lấy đất Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam làm Giao Châu, đặt châu trị ở Long Biên (nay là vùng Bắc Ninh). Đất Nam Việt của nhà Triệu ngày trước thành ra Giao Châu và Quảng Châu từ đó.

Năm Ấ't Dậu (265), nhà Tấn đánh bại Ngụy, Thục, Ngô, đất Giao Châu lại thuộc về nhà Tấn. Nhà Tấn phong cho họ hàng ra trấn trị các nơi, nhưng các thân vương cứ dấy binh đánh giết lẫn nhau, làm cho anh em cốt nhục tương tàn, nước Tấn nhanh chóng suy yếu. Nhân cơ hội ấy, các nước Triệu, nước Tần, nước Yên, nước Lương, nước Hạ, nước Hán v.v... nổi lên chiếm lấy cả vùng phía Bắc sông Trường Giang, nhà Tấn chỉ còn vùng đất ở đông nam, phải dời đô về Kiến Nghiệp (Nam Kinh ngày nay) gọi là nhà Đông Tấn.

Năm Canh Thân (420), Lư Du cướp ngôi nhà Đông Tấn, lập ra nhà Tống ở phía nam. Nước Trung Quốc phân ra làm Nam Triều và Bắc Triều. Bắc Triều có nhà Ngụy, nhà Tề, nhà Chu, nối nhau làm vua. Nam Triều có nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương và nhà Trần kế nghiệp trị vì. Năm Kỷ Mùi (479) nhà Tống mất ngôi, nhà Tề kế nghiệp, trị vì được 22 năm thì nhà Lương lại cướp ngôi nhà Tề.

Nhà Lương sai Tiêu Tư sang làm thứ sử Giao Châu. Cũng như các triều đại phong kiến Trung Quốc thuở trước, các viên quan lại nhà Lương sang cai trị Giao Châu đã áp dụng những biện pháp khắt khe, độc ác khiến dân Giao Châu cực khổ trăm bề, người người đều oán giận. Bởi vậy, năm 542, Lý Bí đã lãnh đạo dân Giao Châu nổi lên đánh đuổi Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên, lập nên nhà nước độc lập đầu tiên, nước Vạn xuân.

Lý Bôn còn gọi là Lý Bí sinh ngày 12 tháng 9 năm Quý Mùi (17-10-503) quê ở huyện Thái Bình, xuất thân từ một hào trưởng địa phương. Tổ tiên Lý Bí là người Trung Quốc, lánh nạn sang nước ta từ cuối thời Tây Hán, khoảng đầu công nguyên. Từ nhỏ Lý Bí đã tỏ ra là cậu bé thông minh, sớm hiểu biết. Khi Lý Bí 5 tuổi thì cha mất; 7 tuổi mẹ lại qua đời. Cậu bé bất hạnh phải đến ở với chú ruột. Một hôm có một vị Pháp tổ thiền sư đi qua, trông thấy Lý Bí khôi ngô, tuấn tú liền xin Lý Bí đem về chùa Linh Bảo nuôi dạy. Qua hơn mười năm đèn sách chuyên cần, lại được vị thiền sư gia công chỉ bảo, Lý Bí trở thành người học rộng, hiểu sâu, ít người sánh kịp.

Tháng Giêng năm Nhâm Tuất (542), Lý Bí khởi binh tấn công giặc. Không đương nổi sức mạnh của đoàn quân khởi nghĩa, thứ sử Tiêu Tư khiếp sợ không dám chống cự, vội mang của cải, vàng bạc đút lót cho Lý Bí xin được toàn tính mạng, chạy về Trung Quốc. Không đầy 3 tháng, Lý Bí đã chiếm được hầu hết các quận, huyện và thành Long Biên.

Tháng hai năm Giáp Tý (544) Lý Bí tự xưng hoàng đế lấy hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân (ước muốn xã tắc truyền đến muôn đời), đặt kinh đô ở miền cửa sông Tô Lịch (Hà Nội) và cho dựng điện Vạn Thọ làm nơi vua quan họp bàn việc nước. Triều đình gồm có hai ban văn võ. Phạm Tu được cử đứng đầu hàng quan võ, Tinh Thiều đứng đầu quan văn, Triệu Túc làm thái phó, Triệu Quang Phục là tướng trẻ có tài cũng được trọng dụng.

Việc Lý Bí đặt tên nước là Vạn Xuân, tự xưng là hoàng đế, định niên hiệu, lập một triều đình riêng ngang hàng với nước lớn Phương Bắc là sự khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc, sự bền vững muôn đời của đất trời phương Nam.

Triều Lý khởi nghiệp từ đây.

Đầu năm Ấ't Sửu (545), nhà Lương sau khi đàn áp những cuộc nổi dậy của nông dân Trung Quốc đã dồn sức mở cuộc tấn công xâm lược nước Vạn Xuân non trẻ nhằm chiếm lại Châu Giao. Quân Lương từ Gia Ninh ngược dòng sông Lô kéo lên tấn công. Bị quân của Lý Nam Đế đánh trả quyết liệt không tiến lên được, chúng phải đóng giữa đồng trống. Lúc này quân lính nhà Lương đã mỏi mệt, tướng lĩnh chán nản, nhưng Trần Bá Tiên vốn xảo quyệt, nhân một đêm mưa to gió lớn đã thúc quân tràn vào đánh úp quân Lý Nam Đế. Lý Nam Đế phải lui vào động Khuất Lão (Tam Nông, Phú Thọ). Anh vua là Lý Thiên Bảo cùng Lý Phật Tử (một người trong họ) và là tướng của Lý Nam Đế đem một cánh quân lui vào Thanh Hoá. ở động Khuất Lão, Lý Nam Đế bị đau yếu luôn nên ông trao binh quyền cho Triệu Quang Phục tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Lương. Hai năm sau, Lý Nam Đế mất vào ngày 20 tháng 3 năm Mậu Thìn (13-4-548).

Triệu Việt Vương (549-571)

Niên hiệu: Quang Phục

Khi được Lý Nam Đế trao cho toàn bộ binh quyền, Triệu Quang Phục người huyện Chu Diên thấy rõ lúc đó giặc còn mạnh, không thể đánh thắng ngay được nên đưa hơn 1 vạn quân từ miền núi về đồng bằng tìm cách đánh giặc. Lương thực thiếu, Triệu Quang Phục cùng nghĩa quân ăn củ sùng, khoai dại, để dành thóc gieo mạ, cùng nghĩa quân thi nhau dùng đòn kéo thay trâu, không phân biệt trên dưới, tạo nên không khí phấn khởi trong sản xuất. Vì vậy, sau những ngày thiếu thốn, nghĩa quân chẳng những có đủ lương ăn mà còn có thóc để dành, đủ sức quần nhau với giặc lâu dài.

Sau khi Lý Nam Đế mất Triệu Quang Phục xưng hiệu là Triệu Việt Vương. Dân gian gọi ông là Dạ Trạch Vương. Đến năm Canh Ngọ (550), nhân nhà Lương có loạn to, thế giặc suy yếu, Triệu Việt Vương từ căn cứ Dạ Trạch, biết rõ gan ruột giặc, xuất toàn quân giao chiến, giết được tướng giặc là Dương Sàn, thu lại Kinh đô, khôi phục lại nền độc lập cho dân nước.

Như trên đã nói, khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Lão thì người anh họ là Lý Thiên Bảo cùng người anh trong họ là Lý Phật Tử đem quân chạy vào Cửu Chân. Bị quân Lương truy đuổi, Lý Thiên Bảo, Lý Phật Tử phải chạy sang Lào, đến đóng ở động Dã Năng, xưng là Đào Lao Vương. Năm Ấ't Hợi (555) là năm thứ 7 đời Triệu Việt vương, Lý Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền thuộc về tay Lý Phật Tử.

Đến năm Đinh Sửu (557) Lý Phật Tử đem quân về đánh Triệu Việt Vương để giành ngôi nhà Lý. Nhưng đánh không thắng, Phật Tử xin chia đất giảng hoà. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng thuận chia đất cho Lý Phật Tử và còn gả con gái là Cải Nương cho Nhã Lang con Phật Tử để tỏ tình hoà hiếu.

Năm Tân Mão (571), Phật Tử phản trắc, bất ngờ đem quân đánh Triệu Việt Vương. Vì không phòng bị Triệu Việt Vương thua chạy đến cửa biển Đại Nha, cùng đường gieo mình xuống biển tự vẫn.

Năm Trùng Hưng thứ nhất (1285), vua Trần Nhân Tông sách phong là Minh Đạo Hoàng Đế. Năm Trùng Hưng thứ 4, vua ban thêm hai chữ "Khai cơ". Năm Hưng Long thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, vua ban thêm bốn chữ: "Thánh Liệt Thần Vũ".

Hậu Lý Nam Đế (571-602)

Đánh thắng Triệu Việt Vương, Lý Phật Tử xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu, sai Lý Đại Quyền giữ Long Biên và Lý Phổ Định giữ Ô Diên.

Trong lúc Lý Phật Tử làm vua ở Nam Việt thì vua Văn Đế nhà Tùy đã dẹp yên Nam-Bắc triều, thống nhất nước Trung Hoa, quy giang sơn về một mối. Năm Nhâm Tuất (602) vua Tùy sai danh tướng Lưu Phương đem đại binh sang đánh Nam Việt. Trước khi xuất quân, Lưu Phương sai người tâm phúc sang dụ Lý Phật Tử về hàng, nếu không hấn sẽ làm cỏ dân Việt, Lý Phật Tử sợ thế không địch nổi bèn xin về hàng, Nam Việt lại rơi vào tay nhà Tùy.